| | |
|---|---|
| **BỘ NỘI VỤ** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

*Hà Nội, ngày tháng năm 2026*

**DỰ THẢO**

# BẢN ĐÁNH GIÁ

# THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, VIỆC PHÂN QUYỀN, PHÂN CẤP, VIỆC ỨNG DỤNG, THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ, BẢO ĐẢM BÌNH ĐẲNG GIỚI, VIỆC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH DÂN TỘC TRONG DỰ ÁN LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, Bộ Nội vụ đã tiến hành đánh giá thủ tục hành chính, việc phân quyền, phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, việc bảo đảm bình đẳng giới, việc thực hiện chính sách dân tộc trong dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật an toàn, vệ sinh lao động. Kết quả như sau:

## I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ

### 1. Bối cảnh xây dựng dự án Luật

Luật an toàn, vệ sinh lao động số 84/2015/QH13 được Quốc hội ban hành năm 2015, quy định về quyền, nghĩa vụ của người lao động, người sử dụng lao động; công tác huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động; quản lý máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động; khai báo, điều tra, thống kê, báo cáo tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; kiểm định kỹ thuật an toàn lao động; quan trắc môi trường lao động; trách nhiệm quản lý nhà nước và các nội dung khác về an toàn, vệ sinh lao động.

Trong quá trình thực hiện, một số quy định của Luật cần được rà soát, sửa đổi để phù hợp với yêu cầu tổ chức lại bộ máy nhà nước, mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, quy định mới về thanh tra, kiểm tra chuyên ngành, phân định thẩm quyền giữa Trung ương và địa phương, đồng thời đáp ứng yêu cầu cải cách thủ tục hành chính và đổi mới phương thức quản lý nhà nước.

Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật an toàn, vệ sinh lao động tập trung sửa đổi các quy định về quyền, nghĩa vụ của người sử dụng lao động; huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động; máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động; khai báo, điều tra, thống kê, báo cáo tai nạn lao động; bệnh nghề nghiệp; trách nhiệm xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; Hội đồng quốc gia về an toàn, vệ sinh lao động và Hội đồng an toàn,

vệ sinh lao động cấp tỉnh; đồng thời thay đổi một số quy định về cơ quan có thẩm quyền để phù hợp với tổ chức bộ máy mới.

Dự thảo cũng bãi bỏ Điều 33 về trách nhiệm của các bộ trong quản lý nhà nước đối với máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động và Điều 89 về thanh tra an toàn, vệ sinh lao động; Luật dự kiến có hiệu lực từ ngày 01 tháng 3 năm 2027.

Một nội dung có ý nghĩa cải cách đáng kể là dự thảo bỏ cơ chế cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động. Theo Bản so sánh thuyết minh, lĩnh vực huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động không còn là ngành, nghề kinh doanh có điều kiện và không còn thủ tục hành chính tương ứng; thay vào đó, dự thảo tập trung quy định về đối tượng, nội dung, thời gian, chương trình, tiêu chuẩn người huấn luyện, yêu cầu bảo đảm khi cung cấp dịch vụ, tự huấn luyện và quản lý hoạt động huấn luyện.

**2. Mục đích, yêu cầu đánh giá**

Việc đánh giá được thực hiện nhằm:

a) Xác định đầy đủ các thủ tục hành chính chịu tác động của dự án Luật; phân loại rõ thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ và giữ nguyên.

b) Đánh giá sự cần thiết, tính hợp lý, tính hợp pháp và chi phí tuân thủ đối với từng thủ tục hành chính.

c) Đánh giá việc phân quyền, phân cấp trong quản lý nhà nước về an toàn, vệ sinh lao động, nhất là việc phân định trách nhiệm giữa Trung ương, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã trong mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

d) Đánh giá khả năng ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, nhất là trong xây dựng, quản lý và khai thác cơ sở dữ liệu về an toàn lao động.

đ) Đánh giá tác động của dự thảo đối với bình đẳng giới và việc thực hiện chính sách dân tộc.

e) Đề xuất các yêu cầu cần tiếp tục hoàn thiện trong quá trình xây dựng văn bản quy định chi tiết và tổ chức thi hành nhằm bảo đảm cải cách thủ tục hành chính thực chất, tăng cường hậu kiểm, quản lý dựa trên dữ liệu và mức độ rủi ro.

## II. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ

### 1. ĐÁNH GIÁ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

#### 1.1. Tổng số và phân loại thủ tục hành chính

Theo danh mục thủ tục hành chính được rà soát trong hồ sơ dự án Luật, có **08 thủ tục hành chính** chịu tác động, gồm **06 thủ tục hành chính giữ nguyên và 02 thủ tục hành chính bãi bỏ**; **không có thủ tục hành chính ban hành**

**mới và không có thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung được xác định riêng trong danh mục**.

Cụ thể:

| STT | Mã TTHC | Tên thủ tục hành chính | Phân loại | Đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| 1 | 1.000354 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động | Giữ nguyên | Tiếp tục cần thiết |
| 2 | 2.000199 | Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động | Giữ nguyên | Tiếp tục cần thiết |
| 3 | 1.000137 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với trường hợp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận | Giữ nguyên | Tiếp tục cần thiết |
| 4 | 1.000131 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với Giấy chứng nhận bị mất, hỏng | Giữ nguyên | Tiếp tục cần thiết |
| 5 | 1.005451 | Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng I | **Bãi bỏ** | Không còn phù hợp với phương thức quản lý mới |
| 6 | 1.005448 | Gia hạn, cấp lại, cấp thay đổi hạng, đổi tên, địa chỉ Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng I | **Bãi bỏ** | Bãi bỏ theo hệ quả của việc không còn cơ chế Giấy chứng nhận |
| 7 | 2.000134 | Khai báo với cơ quan chuyên môn cấp tỉnh khi đưa vào sử dụng các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động | Giữ nguyên | Tiếp tục cần thiết |
| 8 | 1.003958 | Công bố đủ điều kiện thực hiện hoạt động quan trắc môi trường lao động | Giữ nguyên | Tiếp tục cần thiết |

Theo đó:

- TTHC được ban hành mới: **0**;
- TTHC được sửa đổi, bổ sung: **0** theo danh mục rà soát;
- TTHC được bãi bỏ: **02**, chiếm **25%** số TTHC được rà soát;
- TTHC giữ nguyên: **06**, chiếm **75%** số TTHC được rà soát.

Việc bãi bỏ 02 TTHC về huấn luyện là kết quả trực tiếp của việc thay đổi phương thức quản lý hoạt động huấn luyện trong dự thảo Luật.

**1.2. Đánh giá TTHC cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động**

**a) TTHC cấp Giấy chứng nhận**

**Mã TTHC: 1.000354 – giữ nguyên.**

Hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động có liên quan trực tiếp đến máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động. Việc kiểm soát năng lực của tổ chức thực hiện kiểm định có ý nghĩa trực tiếp đối với độ tin cậy của kết quả kiểm định và phòng ngừa nguy cơ mất an toàn trong quá trình sử dụng thiết bị.

Do đó, việc tiếp tục duy trì TTHC cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động là **cần thiết**.

Về tính hợp lý, cơ chế cấp Giấy chứng nhận cho phép cơ quan nhà nước kiểm soát trước khi tổ chức tham gia hoạt động kiểm định. Đối với lĩnh vực có mức độ rủi ro cao, việc duy trì một công cụ tiền kiểm nhất định có cơ sở hơn so với việc loại bỏ hoàn toàn cơ chế kiểm soát điều kiện.

Tuy nhiên, việc giữ TTHC không đồng nghĩa với việc giữ nguyên toàn bộ cách thức thực hiện. Trong quá trình tổ chức thực hiện cần tiếp tục rà soát thành phần hồ sơ, thời gian giải quyết, phương thức nộp hồ sơ và việc sử dụng dữ liệu đã có để hạn chế yêu cầu tổ chức phải cung cấp lại các thông tin mà cơ quan nhà nước đã quản lý.

**b) TTHC gia hạn Giấy chứng nhận**

**Mã TTHC: 2.000199 – giữ nguyên.**

Việc gia hạn nhằm tiếp tục kiểm soát khả năng duy trì điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định sau một thời gian hoạt động.

Tuy nhiên, cần phân biệt giữa việc **kiểm soát sự duy trì năng lực thực tế** với việc chỉ kiểm tra lại hồ sơ. Nếu tổ chức kiểm định đã được quản lý thường xuyên thông qua kết quả kiểm định, đội ngũ kiểm định viên, thiết bị kiểm định, tình trạng vi phạm và kết quả kiểm tra, giám sát thì việc gia hạn nên khai thác tối đa các dữ liệu này.

Theo hướng đó, cơ chế gia hạn có thể từng bước chuyển từ "kiểm tra hồ sơ định kỳ" sang "đánh giá việc duy trì điều kiện trên cơ sở dữ liệu và kết quả hoạt động thực tế".

**c) TTHC cấp lại do bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận**

**Mã TTHC: 1.000137 – giữ nguyên.**

Việc cấp lại trong trường hợp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận là cần thiết để bảo đảm thông tin pháp lý về phạm vi hoạt động của tổ chức kiểm định được cập nhật.

Tuy nhiên, cần bảo đảm nguyên tắc: chỉ yêu cầu tổ chức thực hiện thủ tục đối với những thay đổi thực sự làm thay đổi nội dung, phạm vi hoặc điều kiện hoạt động thuộc đối tượng quản lý; không yêu cầu thực hiện thủ tục đối với những thay đổi mà cơ quan nhà nước có thể tự cập nhật hoặc xác minh từ cơ sở dữ liệu.

**d) TTHC cấp lại do mất, hỏng Giấy chứng nhận**

**Mã TTHC: 1.000131 – giữ nguyên.**

Việc cấp lại trong trường hợp mất, hỏng Giấy chứng nhận chủ yếu nhằm bảo đảm tổ chức có giấy tờ chứng minh tình trạng pháp lý của mình.

Do đó, đây là thủ tục có tính chất hành chính tương đối đơn giản. Khi đẩy mạnh chuyển đổi số, cần nghiên cứu sử dụng Giấy chứng nhận điện tử hoặc dữ liệu xác thực điện tử để giảm sự phụ thuộc vào bản giấy và giảm nhu cầu cấp lại do mất, hỏng giấy tờ.

**đ) Đánh giá chung 04 TTHC kiểm định**

Việc giữ nguyên 04 TTHC về kiểm định là **có cơ sở và phù hợp với yêu cầu quản lý đối với lĩnh vực có nguy cơ cao**.

Tuy nhiên, phương thức quản lý cần tiếp tục được đổi mới theo hướng:

**tiền kiểm điều kiện cần thiết → quản lý dữ liệu hoạt động → giám sát kết quả → phân tích rủi ro → hậu kiểm.**

Không nên hiểu "giữ nguyên TTHC" là giữ nguyên toàn bộ phương thức quản lý hiện hành.

**1.3. Đánh giá TTHC khai báo máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt**

**Mã TTHC: 2.000134 – giữ nguyên.**

Dự thảo sửa đổi khoản 2 Điều 30 theo hướng khi đưa vào sử dụng máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động, tổ chức, cá nhân phải khai báo với cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tại nơi sử dụng.

**a) Sự cần thiết**

Việc duy trì khai báo là cần thiết vì đây là nguồn thông tin đầu vào để cơ quan quản lý nhà nước xác định:

- loại máy, thiết bị, vật tư thuộc phạm vi quản lý;
- địa điểm sử dụng;
- tổ chức, cá nhân sử dụng;
- phạm vi quản lý nhà nước có liên quan.

Khai báo cũng tạo cơ sở để kết nối với hoạt động kiểm định, thanh tra, kiểm tra và quản lý rủi ro.

**b) Tính hợp lý**

Việc xác định cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tại nơi sử dụng là đầu mối tiếp nhận phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

Bản so sánh thuyết minh xác định việc sửa đổi này nhằm phù hợp với quy định mới về phân định thẩm quyền và thống nhất cách xác định cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

**c) Vấn đề cần tiếp tục hoàn thiện**

Cần tránh biến "khai báo" thành một thủ tục hành chính mang nặng tính hồ sơ.

Theo hướng chuyển đổi số, cần xây dựng nguyên tắc:

**Một lần khai báo - một nguồn dữ liệu dùng chung - không yêu cầu khai báo hoặc cung cấp lại thông tin đã có trong cơ sở dữ liệu.**

Khi một máy, thiết bị đã được khai báo, thông tin có thể tiếp tục được sử dụng cho hoạt động kiểm định, quản lý, kiểm tra, thống kê và đánh giá rủi ro.

**1.4. Đánh giá TTHC công bố đủ điều kiện thực hiện hoạt động quan trắc môi trường lao động**

**Mã TTHC: 1.003958 – giữ nguyên.**

Việc duy trì TTHC này có cơ sở do hoạt động quan trắc môi trường lao động tạo ra thông tin, dữ liệu quan trọng phục vụ đánh giá các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại tại nơi làm việc.

Việc kiểm soát điều kiện của tổ chức thực hiện quan trắc có ý nghĩa bảo đảm năng lực chuyên môn, thiết bị, phương pháp thực hiện và độ tin cậy của kết quả.

Tuy nhiên, cần chuyển trọng tâm từ việc kiểm tra điều kiện trên hồ sơ sang kiểm soát đồng thời:

- điều kiện hoạt động;
- năng lực thực tế;

- chất lượng kết quả quan trắc;
- việc tuân thủ quy trình, phương pháp;
- kết quả hậu kiểm.

Đây là lĩnh vực có điều kiện thuận lợi để ứng dụng công nghệ, bởi kết quả quan trắc có thể được chuẩn hóa thành dữ liệu phục vụ quản lý môi trường lao động và phòng ngừa bệnh nghề nghiệp.

**1.5. Đánh giá 02 TTHC bãi bỏ về huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động**

**a) TTHC cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện hạng I**

**Mã TTHC: 1.005451 – bãi bỏ.**

Danh mục TTHC xác định thủ tục này được bãi bỏ và ghi nhận lợi ích cắt giảm dự kiến **1.361.209.375 đồng/năm**.

Việc bãi bỏ có cơ sở từ sự thay đổi căn bản trong dự thảo Luật về phương thức quản lý hoạt động huấn luyện.

Theo dự thảo, người sử dụng lao động tổ chức huấn luyện cho người lao động, người học nghề, tập nghề, người thử việc trước khi tuyển dụng hoặc bố trí làm việc và định kỳ huấn luyện lại.

Tổ chức huấn luyện được xác định là đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động theo quy định của pháp luật.

Đồng thời, khoản 8 Điều 14 không còn quy định Chính phủ quy định cơ quan có thẩm quyền cấp, điều kiện cơ sở vật chất, trình tự, thủ tục, hồ sơ cấp mới, cấp lại, gia hạn, thu hồi Giấy chứng nhận; thay vào đó tập trung vào nội dung quản lý hoạt động huấn luyện, tiêu chuẩn người huấn luyện, yêu cầu bảo đảm khi cung cấp dịch vụ, tự huấn luyện và các nội dung chuyên môn.

**Đánh giá**

**Về sự cần thiết:** Bãi bỏ là cần thiết để loại bỏ thủ tục tiền kiểm không còn phù hợp với phương thức quản lý mới.

**Về tính hợp lý:** Việc bỏ giấy chứng nhận không đồng nghĩa với bỏ quản lý nhà nước. Trách nhiệm bảo đảm chất lượng được chuyển mạnh hơn cho người sử dụng lao động và tổ chức cung cấp dịch vụ; cơ quan nhà nước tập trung vào quy định chuẩn đầu ra, yêu cầu chuyên môn, kiểm tra và xử lý vi phạm.

**Về tính hợp pháp:** Việc bãi bỏ phải được thực hiện đồng bộ ở Luật và văn bản dưới luật. Không được tiếp tục quy định một cơ chế cấp phép có nội dung tương tự dưới tên gọi khác.

**Về chi phí tuân thủ:** Hồ sơ hiện có xác định lợi ích cắt giảm dự kiến là **1.361.209.375 đồng/năm**. Không có cơ sở từ tài liệu được cung cấp để tự xác định thêm các khoản tiết kiệm khác.

**b) TTHC gia hạn, cấp lại, thay đổi hạng, đổi tên, địa chỉ**

**Mã TTHC: 1.005448 – bãi bỏ.**

Đây là hệ quả trực tiếp của việc bãi bỏ cơ chế Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện.

Khi không còn Giấy chứng nhận cần quản lý thì các thủ tục:

- gia hạn;
- cấp lại;
- thay đổi hạng;
- đổi tên;
- thay đổi địa chỉ

không còn đối tượng thực hiện.

Việc bãi bỏ thủ tục này có tác động tích cực vì giảm đồng thời chi phí chuẩn bị hồ sơ, chi phí thực hiện thủ tục và chi phí cơ hội liên quan đến việc phải thực hiện thủ tục theo chu kỳ.

**c) Yêu cầu đối với hậu kiểm**

Bãi bỏ 02 TTHC về huấn luyện chỉ đạt được mục tiêu cải cách nếu đồng thời xây dựng được cơ chế hậu kiểm phù hợp.

Theo đó, cần quản lý dựa trên:

- tiêu chuẩn người huấn luyện;
- chương trình, nội dung và thời lượng huấn luyện;
- điều kiện bảo đảm khi cung cấp dịch vụ;
- hồ sơ, kết quả huấn luyện;
- phản ánh, khiếu nại;
- dấu hiệu vi phạm;
- kết quả kiểm tra thực tế.

Như vậy, phương thức quản lý chuyển từ:

**“cấp giấy chứng nhận trước khi hoạt động”**

sang:

**“quy định chuẩn – tự chịu trách nhiệm – giám sát – hậu kiểm – xử lý vi phạm”.**

Đây là một trong những thay đổi chính sách quan trọng nhất của dự thảo.

**1.6. Đánh giá tổng thể về chi phí tuân thủ**

Danh mục TTHC mới cung cấp số liệu định lượng đối với TTHC cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện hạng I với lợi ích cắt giảm dự kiến 1.361.209.375 đồng/năm.

Đối với 07 TTHC còn lại, hồ sơ hiện có chưa cung cấp đầy đủ số liệu đầu vào để tính toán chi phí tuân thủ trước và sau sửa đổi. Vì vậy, **không đặt thêm số liệu ước tính** trong Bản đánh giá này.

Khi hoàn thiện hồ sơ trình thẩm định, đề nghị kèm theo các biểu mẫu tính chi phí tuân thủ theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, bảo đảm có căn cứ định lượng đối với từng TTHC thuộc diện giữ nguyên hoặc chịu tác động.

### 1.7. Kết luận về thủ tục hành chính

Nhìn tổng thể, dự án Luật có tác động theo hướng **cắt giảm thủ tục hành chính và thay đổi phương thức quản lý**:

- Không ban hành TTHC mới;
- Không phát sinh thêm điều kiện kinh doanh về huấn luyện;
- Bãi bỏ 02 TTHC về Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện;
- Duy trì 04 TTHC về kiểm định;
- Duy trì TTHC khai báo máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt;
- Duy trì TTHC công bố đủ điều kiện hoạt động quan trắc môi trường lao động.

Kết quả này phù hợp với định hướng giảm tiền kiểm không cần thiết nhưng vẫn duy trì công cụ quản lý đối với các lĩnh vực có nguy cơ cao.

## 2. ĐÁNH GIÁ VIỆC PHÂN QUYỀN, PHÂN CẤP

### 2.1. Sự cần thiết

Việc phân quyền, phân cấp trong dự thảo xuất phát từ yêu cầu tổ chức lại bộ máy quản lý nhà nước và thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

Dự thảo đồng thời bãi bỏ Điều 33 để chuyển việc quy định trách nhiệm cụ thể của các bộ trong quản lý máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động sang văn bản của Chính phủ. Bản so sánh thuyết minh cho rằng cách tiếp cận này tạo cơ sở linh hoạt để Chính phủ điều chỉnh phân công khi có thay đổi về tổ chức bộ máy.

### 2.2. Phân định thẩm quyền ở Trung ương

Dự thảo quy định Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Danh mục máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động trên cơ sở đề nghị của các bộ theo thẩm quyền quản lý được Chính phủ phân công.

Cách quy định này tạo sự thống nhất ở cấp Trung ương nhưng vẫn cho phép phân công trách nhiệm quản lý theo ngành, lĩnh vực.

Bản so sánh thuyết minh cũng xác định việc bãi bỏ Điều 33 và chuyển nội dung phân công sang Nghị định nhằm tránh khoảng trống pháp lý, bảo đảm sự thống nhất với quy định mới về tổ chức bộ máy và phân định thẩm quyền.

**2.3. Phân định trách nhiệm ở cấp tỉnh**

Dự thảo xác định cơ quan chuyên môn về lao động thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là đầu mối thực hiện nhiều nhiệm vụ về an toàn, vệ sinh lao động.

Cụ thể:

- tiếp nhận khai báo máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt;
- thành lập Đoàn điều tra tai nạn lao động cấp tỉnh;
- tiếp nhận, tổng hợp báo cáo;
- thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước khác theo quy định.

Đối với điều tra tai nạn lao động, cơ quan chuyên môn về lao động thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập Đoàn điều tra đối với tai nạn lao động chết người hoặc làm bị thương nặng từ hai người lao động trở lên; đồng thời có trách nhiệm điều tra lại trong trường hợp có khiếu nại, tố cáo hoặc xét thấy cần thiết.

**2.4. Phân định trách nhiệm ở cấp xã**

Dự thảo tăng vai trò của Ủy ban nhân dân cấp xã đối với người lao động làm việc không theo hợp đồng lao động.

Khi xảy ra tai nạn lao động chết người hoặc làm bị thương nặng, gia đình nạn nhân hoặc người phát hiện có trách nhiệm khai báo với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra tai nạn; trường hợp nghiêm trọng, Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo cơ quan Công an cấp xã và cơ quan chuyên môn về lao động thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Đối với tai nạn lao động làm bị thương nặng một người lao động không theo hợp đồng lao động, Ủy ban nhân dân cấp xã phải lập biên bản ghi nhận sự việc.

Định kỳ 06 tháng, hằng năm, Ủy ban nhân dân cấp xã thống kê, báo cáo tai nạn lao động và sự cố kỹ thuật nghiêm trọng liên quan đến người lao động không theo hợp đồng lao động với cơ quan chuyên môn về lao động thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

**2.5. Đánh giá điều kiện bảo đảm phân quyền, phân cấp**

Việc phân cấp chỉ đạt hiệu quả khi đi kèm các điều kiện:

**Một là, bảo đảm nhân lực**

Cơ quan được giao nhiệm vụ phải có cán bộ có kiến thức pháp luật và chuyên môn về an toàn, vệ sinh lao động.

**Hai là, bảo đảm quy trình phối hợp**

Đối với vụ việc nghiêm trọng phải xác định rõ trách nhiệm của cấp xã, cấp tỉnh, cơ quan Công an và cơ quan chuyên ngành.

**Ba là, bảo đảm dữ liệu**

Thông tin từ cấp xã phải được chuyển kịp thời lên cấp tỉnh; hạn chế tối đa việc báo cáo nhiều lần bằng phương thức thủ công.

**Bốn là, bảo đảm kiểm tra, giám sát sau phân cấp**

Cơ quan cấp trên cần kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ được phân cấp, nhất là đối với các vụ tai nạn lao động nghiêm trọng

**2.6. Kiểm tra, giám sát sau phân quyền, phân cấp**

Dự thảo chuyển từ mô hình quản lý có sự tham gia của thanh tra chuyên ngành ATVSLĐ sang mô hình phù hợp với pháp luật về thanh tra, kiểm tra chuyên ngành. Dự thảo bãi bỏ Điều 89 về thanh tra an toàn, vệ sinh lao động.

Do đó, cần đặc biệt chú trọng cơ chế kiểm tra, giám sát sau phân quyền.

Cần bảo đảm:

- phân định rõ cơ quan chịu trách nhiệm chính;
- không để cùng một vụ việc phải báo cáo nhiều cơ quan;
- có cơ chế chuyển hồ sơ, dữ liệu giữa các cơ quan;
- có cơ chế kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ được phân cấp;
- có trách nhiệm giải trình khi để xảy ra chậm trễ hoặc bỏ sót vụ việc.

**Đánh giá chung:** Phương án phân quyền, phân cấp trong dự thảo là cần thiết và cơ bản phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp. Tuy nhiên, việc phân cấp phải đi kèm nguồn lực, dữ liệu, quy trình phối hợp và cơ chế kiểm tra, giám sát; nếu không sẽ có nguy cơ phân tán trách nhiệm thay vì nâng cao hiệu quả quản lý.

## 3. ĐÁNH GIÁ VIỆC ỨNG DỤNG, THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

### 3.1. Cơ sở từ dự thảo Luật

Dự thảo quy định Bộ Nội vụ tổ chức, hướng dẫn việc thu thập, lưu trữ, tổng hợp, cung cấp, công bố, đánh giá tình hình tai nạn lao động, sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng và tổ chức xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu về an toàn lao động trong phạm vi cả nước.

Đây là cơ sở pháp lý quan trọng để chuyển đổi phương thức quản lý từ báo cáo thủ công, phân tán sang quản lý dựa trên dữ liệu.

### 3.2. Tác động tích cực

Dự thảo tạo điều kiện cho việc:

- xây dựng cơ sở dữ liệu tập trung về an toàn lao động;
- chuẩn hóa dữ liệu tai nạn lao động;
- kết nối thông tin từ doanh nghiệp và địa phương;
- tổng hợp dữ liệu phục vụ hoạch định chính sách;

- phân tích nguy cơ, mức độ rủi ro;
- lựa chọn đối tượng kiểm tra, hậu kiểm;
- theo dõi tình hình thực hiện chính sách theo địa bàn, ngành, lĩnh vực.

Đặc biệt, các quy định về khai báo thiết bị, kiểm định, huấn luyện, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và quan trắc môi trường lao động tạo ra nhiều nhóm dữ liệu có thể kết nối với nhau.

### 3.3. Đổi mới phương thức quản lý

Dự thảo về cơ bản tạo cơ sở cho chuyển đổi theo mô hình:

**quản lý hồ sơ → quản lý dữ liệu → quản lý rủi ro → hậu kiểm.**

Đối với hoạt động huấn luyện, việc bỏ cơ chế Giấy chứng nhận đủ điều kiện và chuyển sang yêu cầu về chất lượng, tiêu chuẩn, trách nhiệm của chủ thể là một biểu hiện của đổi mới phương thức quản lý.

Đối với máy, thiết bị, việc duy trì khai báo có thể trở thành nguồn dữ liệu phục vụ quản lý thiết bị theo vòng đời.

Đối với kiểm định, dữ liệu về tổ chức kiểm định, kiểm định viên, thiết bị và kết quả kiểm định có thể là cơ sở để xác định mức độ rủi ro.

Đối với tai nạn lao động, dữ liệu khai báo, điều tra, thống kê có thể phục vụ cảnh báo và phòng ngừa.

### 3.4. Yêu cầu về thể chế

Để chuyển đổi số có hiệu quả, cần tiếp tục hoàn thiện các quy định về:

- chuẩn hóa dữ liệu;
- trách nhiệm cập nhật dữ liệu;
- trách nhiệm kiểm tra độ chính xác của dữ liệu;
- kết nối và chia sẻ dữ liệu;
- khai thác dữ liệu dùng chung;
- dữ liệu mở trong phạm vi phù hợp;
- xác thực thông tin;
- lưu trữ và truy xuất hồ sơ điện tử.

Cần tránh tình trạng mỗi thủ tục hình thành một cơ sở dữ liệu riêng biệt, không kết nối được với nhau.

### 3.5. Yêu cầu về hạ tầng

Hệ thống quản lý cần bảo đảm:

- hạ tầng kỹ thuật đủ khả năng lưu trữ và xử lý dữ liệu;
- kết nối giữa Trung ương và địa phương;
- khả năng tích hợp với các cơ sở dữ liệu có liên quan;

- khả năng tiếp nhận dữ liệu điện tử từ doanh nghiệp, tổ chức kiểm định và cơ quan địa phương;
- khả năng khai thác dữ liệu phục vụ phân tích và cảnh báo.

### 3.6. Yêu cầu về nhân lực

Chuyển đổi số trong ATVSLĐ không chỉ cần nhân lực công nghệ thông tin mà cần đội ngũ có khả năng kết hợp:

**nghiệp vụ ATVSLĐ + quản trị dữ liệu + phân tích rủi ro + công nghệ số.**

Đây là điều kiện quan trọng để dữ liệu không chỉ được "số hóa" mà thực sự được sử dụng trong quản lý.

### 3.7. An toàn thông tin

Dữ liệu về người lao động, doanh nghiệp, tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp có thể chứa thông tin cần được bảo vệ.

Do đó, quá trình xây dựng cơ sở dữ liệu cần bảo đảm:

- phân quyền truy cập;
- xác thực người sử dụng;
- ghi nhận lịch sử khai thác, chỉnh sửa;
- sao lưu dữ liệu;
- bảo đảm tính toàn vẹn của dữ liệu;
- phòng ngừa truy cập trái phép.

### 3.8. Cơ chế phối hợp

Việc quản lý dữ liệu ATVSLĐ liên quan đến nhiều chủ thể: Bộ Nội vụ, Bộ Y tế, các bộ quản lý ngành, cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã, người sử dụng lao động, tổ chức kiểm định và tổ chức thực hiện quan trắc.

Do đó, cần xác định rõ:

- ai tạo dữ liệu;
- ai cập nhật;
- ai xác thực;
- ai được khai thác;
- ai chịu trách nhiệm khi dữ liệu sai;
- ai chịu trách nhiệm vận hành hệ thống.

### 3.9. Đánh giá chung

Dự thảo **có tác động tích cực đối với ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số**, đặc biệt thông qua việc xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về an toàn lao động.

Tuy nhiên, dự thảo hiện mới tạo **khung pháp lý và định hướng**, chưa quy định đầy đủ các yêu cầu kỹ thuật về kết nối, chuẩn dữ liệu, chia sẻ dữ liệu, an toàn thông tin và quản trị dữ liệu. Các nội dung này cần tiếp tục được cụ thể hóa trong quá trình tổ chức thực hiện.

## 4. ĐÁNH GIÁ VIỆC BẢO ĐẢM BÌNH ĐẲNG GIỚI

### 4.1. Đánh giá về quyền và nghĩa vụ

Qua rà soát các nội dung sửa đổi, bổ sung, dự thảo không đặt ra sự khác biệt về quyền và nghĩa vụ trong thực hiện chính sách an toàn, vệ sinh lao động giữa nam và nữ.

Các quy định về:

- huấn luyện;
- kiểm định;
- khai báo thiết bị;
- điều tra tai nạn lao động;
- thống kê, báo cáo;
- phòng, chống bệnh nghề nghiệp

được xây dựng trên cơ sở tính chất công việc, điều kiện lao động và mức độ rủi ro, không dựa trên giới tính.

### 4.2. Tác động trực tiếp

Dự thảo không làm phát sinh quy định hạn chế cơ hội hoặc điều kiện thụ hưởng quyền, lợi ích về an toàn, vệ sinh lao động của một giới.

Do đó, dự thảo **không có tác động bất lợi trực tiếp đối với bình đẳng giới**.

### 4.3. Tác động gián tiếp

Việc xây dựng cơ sở dữ liệu về an toàn lao động tạo điều kiện để trong quá trình tổ chức thực hiện có thể phân tích tình hình tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và điều kiện lao động theo nhiều nhóm đối tượng.

Tuy nhiên, hồ sơ dự án Luật hiện chưa quy định một cơ chế riêng về thu thập và phân tích dữ liệu theo giới. Vì vậy, không đặt ra trong dự án Luật một nghĩa vụ hoặc cơ chế đặc thù chưa được thể hiện trong dự thảo.

### 4.4. Đánh giá chung

Dự thảo phù hợp với yêu cầu bảo đảm bình đẳng về cơ hội, điều kiện và khả năng thụ hưởng quyền, lợi ích về an toàn, vệ sinh lao động giữa các giới; không tạo ra sự phân biệt trực tiếp về giới.

## 5. ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH DÂN TỘC

### 5.1. Nguyên tắc bình đẳng

Dự thảo không đặt ra điều kiện thực hiện quyền, nghĩa vụ về an toàn, vệ sinh lao động dựa trên dân tộc.

Các quy định được áp dụng thống nhất đối với người lao động và người sử dụng lao động, không phân biệt thành phần dân tộc.

Do đó, dự thảo bảo đảm nguyên tắc bình đẳng giữa các dân tộc trong tiếp cận chính sách an toàn, vệ sinh lao động.

### 5.2. Người lao động làm việc không theo hợp đồng lao động

Dự thảo đặc biệt quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã đối với tai nạn lao động liên quan đến người lao động làm việc không theo hợp đồng lao động.

Quy định này có ý nghĩa đối với việc bảo đảm khả năng tiếp cận chính sách của nhóm lao động ngoài khu vực quan hệ lao động theo hợp đồng.

Việc đưa một số nhiệm vụ về cấp xã giúp chính sách được triển khai gần hơn với người lao động tại địa bàn, trong đó có người lao động ở khu vực nông thôn, vùng có điều kiện tiếp cận dịch vụ quản lý nhà nước còn hạn chế.

### 5.3. Tác động đến vùng đồng bào dân tộc thiểu số

Dự án Luật không quy định chính sách ưu đãi hoặc cơ chế đặc thù riêng đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Vì vậy, trên cơ sở hồ sơ hiện có, có thể đánh giá:

- không phát sinh quy định phân biệt về dân tộc;
- không hạn chế quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động thuộc các dân tộc;
- không làm phát sinh tác động bất lợi đối với chính sách dân tộc;
- không thiết lập chính sách dân tộc đặc thù mới.

Việc phân định trách nhiệm cho cấp xã có thể tạo điều kiện thuận lợi hơn cho việc tiếp cận chính sách, nhưng hiệu quả thực tế phụ thuộc vào nguồn lực và năng lực tổ chức thực hiện tại địa phương.

## III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

### 1. Về thủ tục hành chính

Dự án Luật có tác động đến 08 thủ tục hành chính, trong đó 06 thủ tục giữ nguyên và 02 thủ tục bãi bỏ; không ban hành mới thủ tục hành chính theo danh mục được rà soát.

Việc bãi bỏ 02 thủ tục hành chính về Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động là phù hợp với định hướng đổi mới phương thức quản lý, giảm tiền kiểm và giảm chi phí tuân thủ.

Đối với 04 thủ tục về kiểm định, việc giữ nguyên là cần thiết do hoạt động kiểm định liên quan trực tiếp đến các đối tượng có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động. Tuy nhiên, cần tiếp tục đơn giản hóa quy trình và tăng cường quản lý dựa trên dữ liệu.

Đối với thủ tục khai báo máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt, việc duy trì là cần thiết để tạo dữ liệu phục vụ quản lý. Cần ưu tiên số hóa và sử dụng dữ liệu dùng chung.

Đối với thủ tục công bố đủ điều kiện thực hiện hoạt động quan trắc môi trường lao động, việc duy trì là cần thiết để kiểm soát năng lực của tổ chức thực hiện quan trắc, đồng thời cần tăng cường hậu kiểm chất lượng kết quả.

### 2. Về phân quyền, phân cấp

Dự thảo đã phân định lại trách nhiệm giữa Trung ương và địa phương, phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

Cần bảo đảm việc phân quyền, phân cấp đi kèm:

- nhân lực;
- kinh phí và điều kiện thực hiện;
- cơ sở dữ liệu;
- quy trình phối hợp;
- trách nhiệm giải trình;
- kiểm tra, giám sát sau phân cấp.

Đặc biệt, cần tránh tình trạng cùng một vụ việc phải báo cáo nhiều cơ quan hoặc không xác định được cơ quan chịu trách nhiệm chính.

### 3. Về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Dự thảo tạo cơ sở cho xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về an toàn lao động, qua đó tạo điều kiện chuyển từ quản lý dựa chủ yếu trên hồ sơ, báo cáo sang quản lý dựa trên dữ liệu và mức độ rủi ro.

Trong quá trình triển khai cần tiếp tục hoàn thiện:

- chuẩn dữ liệu;
- kết nối, chia sẻ dữ liệu;

- trách nhiệm cập nhật, xác thực;
- quản trị dữ liệu;
- phân quyền khai thác;
- an toàn thông tin;
- nguồn lực và nhân lực số.

**4. Về bình đẳng giới**

Dự thảo không có quy định phân biệt về quyền, nghĩa vụ hoặc điều kiện thực hiện chính sách an toàn, vệ sinh lao động theo giới tính; không tạo ra tác động bất lợi trực tiếp đối với bình đẳng giới.

**5. Về chính sách dân tộc**

Dự thảo không có quy định phân biệt về dân tộc, không hạn chế quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động thuộc các dân tộc; không làm phát sinh tác động bất lợi đối với chính sách dân tộc.

Việc tăng trách nhiệm của cấp xã trong tiếp nhận, xử lý, thống kê tai nạn lao động đối với người lao động làm việc không theo hợp đồng lao động tạo điều kiện để chính sách được tiếp cận gần hơn với người lao động tại địa bàn.

**6. Kiến nghị chung**

Đề nghị tiếp tục hoàn thiện dự án Luật và các văn bản quy định chi tiết theo các định hướng sau:

**Một là**, bảo đảm việc bãi bỏ 02 TTHC về huấn luyện được thực hiện đồng bộ trong toàn bộ hệ thống văn bản, không phát sinh cơ chế cấp phép hoặc thủ tục có bản chất tương tự dưới hình thức khác.

**Hai là**, đối với các TTHC giữ nguyên, tiếp tục rà soát thành phần hồ sơ, thời hạn, phương thức thực hiện và trách nhiệm giải quyết theo hướng đơn giản, điện tử hóa và sử dụng dữ liệu đã có.

**Ba là**, chuyển mạnh từ quản lý tiền kiểm sang kết hợp tiền kiểm ở lĩnh vực có nguy cơ cao với hậu kiểm dựa trên rủi ro; tăng cường giám sát chất lượng hoạt động kiểm định, huấn luyện và quan trắc môi trường lao động.

**Bốn là**, xây dựng cơ sở dữ liệu ATVSLĐ theo hướng dữ liệu được hình thành một lần, được chia sẻ và khai thác nhiều lần, hạn chế yêu cầu doanh nghiệp, tổ chức và người lao động cung cấp lại thông tin đã có.

**Năm là**, bảo đảm phân quyền, phân cấp gắn với nguồn lực, dữ liệu, nhân lực và cơ chế kiểm tra, giám sát; xác định rõ trách nhiệm của từng cấp trong xử lý vụ việc.

**Sáu là**, khi xây dựng văn bản quy định chi tiết, cần rà soát để bảo đảm không phát sinh thêm thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh hoặc yêu cầu hồ sơ trái với định hướng cải cách đã được xác định trong dự án Luật.

**Bảy là**, tiếp tục hoàn thiện các biểu mẫu đánh giá tác động TTHC và tính chi phí tuân thủ đối với từng TTHC theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; đối với các thủ tục chưa có số liệu trong hồ sơ hiện tại, cần bổ sung số liệu trước khi hoàn thiện hồ sơ trình thẩm định.

**Tám là**, trong quá trình tổ chức thực hiện, cần khai thác cơ sở dữ liệu để phục vụ phân tích rủi ro, cảnh báo sớm, lựa chọn đối tượng hậu kiểm và đánh giá hiệu quả chính sách.

**Kết luận:** Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật an toàn, vệ sinh lao động cơ bản đáp ứng yêu cầu về cải cách thủ tục hành chính, phân quyền, phân cấp, đổi mới phương thức quản lý nhà nước và tạo cơ sở cho ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; đồng thời không tạo ra tác động bất lợi trực tiếp đối với bình đẳng giới và chính sách dân tộc.

Việc cải cách thủ tục hành chính trong dự án Luật không chỉ thể hiện ở việc **bãi bỏ 02/08 thủ tục hành chính được rà soát**, mà quan trọng hơn là chuyển đổi phương thức quản lý từ **tiền kiểm dựa trên giấy phép, hồ sơ sang quản lý theo tiêu chuẩn, trách nhiệm của chủ thể, dữ liệu, rủi ro và hậu kiểm**, phù hợp với yêu cầu đổi mới quản lý nhà nước trong lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động.

**IV. PHỤ LỤC**

**BỘ NỘI VỤ**

**PHỤ LỤC 1**

**DANH MỤC VÀ ĐÁNH GIÁ 08 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

| STT | Mã TTHC | Tên TTHC | Phân loại | Sự cần thiết | Tính hợp lý | Tác động chi phí tuân thủ |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 1.000354 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định KTAT | Giữ nguyên | Cần thiết để kiểm soát năng lực tổ chức kiểm định | Phù hợp với lĩnh vực có nguy cơ cao | Cần tiếp tục rà soát, số hóa hồ sơ |
| 2 | 2.000199 | Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định KTAT | Giữ nguyên | Cần thiết để kiểm soát việc duy trì điều kiện | Có thể khai thác dữ liệu hoạt động thực tế | Chưa có số liệu định lượng trong hồ sơ |
| 3 | 1.000137 | Cấp lại Giấy chứng nhận do bổ sung, sửa đổi | Giữ nguyên | Cần thiết khi thay đổi nội dung quản lý | Cần phân biệt thay đổi thực chất và thay đổi hành chính | Chưa có số liệu định lượng |
| 4 | 1.000131 | Cấp lại Giấy chứng nhận do mất, hỏng | Giữ nguyên | Cần bảo đảm giấy tờ pháp lý | Có thể đơn giản hóa bằng dữ liệu/Giấy chứng nhận điện tử | Chưa có số liệu định lượng |
| 5 | 1.005451 | Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện | **Bãi bỏ** | Không còn cần thiết theo phương thức quản lý mới | Phù hợp với chuyển từ tiền kiểm sang hậu kiểm | Lợi ích cắt giảm dự kiến 1.361.209.375 đồng/năm |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | hạng I | | | | |
| 6 | 1.005448 | Gia hạn, cấp lại, thay đổi hạng, đổi tên, địa chỉ Giấy chứng nhận huấn luyện hạng I | **Bãi bỏ** | Không còn đối tượng khi bỏ Giấy chứng nhận | Bãi bỏ đồng bộ với TTHC cấp mới | Chưa có số liệu riêng trong hồ sơ |
| 7 | 2.000134 | Khai báo máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt | Giữ nguyên | Cần thiết để tạo dữ liệu quản lý | Phù hợp phân cấp cho cấp tỉnh | Cần giảm chi phí bằng khai báo điện tử |
| 8 | 1.003958 | Công bố đủ điều kiện thực hiện hoạt động quan trắc môi trường lao động | Giữ nguyên | Cần kiểm soát năng lực tổ chức quan trắc | Có thể tăng hậu kiểm chất lượng kết quả | Chưa có số liệu định lượng |

**PHỤ LỤC 2**

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

| Chỉ tiêu | Kết quả |
|---|---|
| Tổng số TTHC được rà soát | 08 |
| TTHC ban hành mới | 0 |
| TTHC sửa đổi, bổ sung theo danh mục rà soát | 0 |
| TTHC bãi bỏ | 02 |
| TTHC giữ nguyên | 06 |
| Tỷ lệ TTHC bãi bỏ trong danh mục rà soát | 25% |
| Tỷ lệ TTHC giữ nguyên trong danh mục rà soát | 75% |
| Lợi ích cắt giảm được xác định trong hồ sơ | 1.361.209.375 đồng/năm đối với TTHC cấp mới, gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện hạng I |

**Ghi chú:** Số liệu chi phí tuân thủ của các TTHC khác chưa được xác định trong tài liệu được cung cấp; không tự ước tính trong Bản đánh giá này.

# PHỤ LỤC 3

## ĐỊNH HƯỚNG ĐỔI MỚI PHƯƠNG THỨC QUẢN LÝ

**Hoạt động huấn luyện**

Cấp Giấy chứng nhận → **Bãi bỏ**

↓

Quy định tiêu chuẩn, nội dung, chương trình

↓

Trách nhiệm của người sử dụng lao động và tổ chức huấn luyện

↓

Giám sát chất lượng

↓

**Hậu kiểm, xử lý vi phạm**

**Hoạt động kiểm định**

Cấp Giấy chứng nhận tổ chức kiểm định

↓

Quản lý kiểm định viên, phạm vi hoạt động

↓

Kết quả kiểm định điện tử

↓

Cơ sở dữ liệu

↓

**Quản lý theo rủi ro và hậu kiểm**

**Máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt**

Khai báo

↓

Cơ sở dữ liệu thiết bị

↓

Kiểm định

↓

Cập nhật kết quả

↓

Theo dõi vòng đời thiết bị

↓

**Phân tích rủi ro**

**Tai nạn lao động**

Khai báo

↓

Điều tra

↓

Thống kê
↓
Cơ sở dữ liệu
↓
Phân tích nguyên nhân
↓
**Cảnh báo và phòng ngừa**

**Quan trắc môi trường lao động**

Công bố đủ điều kiện
↓
Quan trắc
↓
Dữ liệu môi trường lao động
↓
Phân tích nguy cơ
↓
**Hậu kiểm chất lượng và phòng ngừa bệnh nghề nghiệp**